

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/ HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Hoàng P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Tô Hồng U sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tên viết tắt: Ngân hàng BIDV). Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Ngọc T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Cầu Ngang – Châu Thành trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Trà Vinh. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Quyết định ủy quyền số 418/QĐ-BIDV.TV ngày 13/4/2021). (Có mặt).

2. Chị Đoàn Thị Lệ T, sinh năm 1992 (Có mặt).

3. Anh Đoàn Hoàng C, sinh năm 1994 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đoàn Hoàng P trình bày yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 1990 ông và bà Tô Hồng Ứ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống cho đến khi có hai con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, bà Ứ không tôn trọng ông và gia đình ông, thường xuyên ghen vô cớ, xúc phạm danh dự của ông nơi đông người, cho đến ngày 27 tháng 5 năm 2019 thì ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin ly hôn với bà Tô Hồng Ứ.

Về con chung: Ông và bà Ứ có hai con chung là Đoàn Thị Lệ T, sinh ngày 21/01/1992 và Đoàn Hoàng C, sinh ngày 18/3/1994 hiện các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông P không tranh chấp, không khởi kiện.

Về số nợ phải trả: Ông và bà Ứ có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện C số tiền 140.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 874 diện tích 2.620m² và thửa số 875 diện tích 2.110m², cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã H, huyện C do ông đứng tên. Hiện tại còn nợ gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi. Nay ông đồng ý trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nếu ông không trả được nợ theo yêu cầu của Ngân hàng thì ông đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định pháp luật.

Theo các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử bị đơn bà Tô Hồng Ứ có lời khai và yêu cầu như sau:

Thông nhất với trình bày của ông P về thời gian chung sống và có 02 con chung như lời khai của ông P, thời gian đó bà có yêu cầu ông P đi đăng ký kết hôn nhưng ông P không quan tâm nên không đi đăng ký kết hôn cho đến nay. Về mâu thuẫn gia đình là do sau khi bà sinh con được 06 tháng thì ông P có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, sau đó ông P hứa thay đổi để cùng nhau nuôi con, vì con bà bỏ qua cho đến năm 2014 -2015 thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra do ông P tiếp tục quan hệ với người phụ nữ khác, bà bắt gặp và trình báo chính quyền địa phương lập biên bản vụ việc cho đến tháng 5/2019 thì ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai cho đến nay. Nay ông P yêu cầu ly hôn bà không đồng ý ly hôn. Về con chung Đoàn Thị Lệ T, sinh ngày 21/01/1992 và Đoàn Hoàng C, sinh ngày 18/3/1994 hiện các con đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà Ứ không tranh chấp, không khởi kiện. Về số nợ phải trả: Hiện tại còn nợ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam 110.000.000 đồng và tiền lãi. Nay bà đồng ý trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nếu không trả được nợ theo yêu cầu của Ngân hàng thì bà đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát

triển Việt Nam (tên viết tắt: Ngân hàng BIDV) bà Dương Ngọc T trình bày:

Vào ngày 26/4/2019 Ngân hàng BIDV có ký hợp đồng cho ông P, bà Ứ vay số tiền 140.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/7586332/HĐTD thời hạn vay là 11 tháng, lãi 9,5%/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ông P, bà Ứ có thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 874 diện tích 2.620m² và thửa số 875 diện tích 2.110m², cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã H, huyện C do ông P đại diện hộ đứng tên. Đến ngày 26/3/2020 ông P, bà Ứ phải trả hết nợ gốc cho Ngân hàng là 140.000.000 đồng nhưng đến nay ông P, bà Ứ chỉ trả được 30.000.000 đồng tiền gốc nên Ngân hàng chuyển phần nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi xuất quá hạn. Tính đến ngày 17/10/2021 ông P, bà Ứ còn nợ 110.000.000 đồng nợ gốc và 26.174.452 đồng tiền lãi. Nay phía Ngân hàng BIDV yêu cầu ông P, bà Ứ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 17/10/2021 tổng cộng là 136.174.452 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/10/2021 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 874 diện tích 2.620m² và thửa số 875 diện tích 2.110m², cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/7586332/HĐTC ngày 20/6/2017 khi ông P, bà Ứ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tự nguyện trả nợ, để Ngân hàng thu hồi vốn gốc và lãi xuất theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thị Lệ T và anh Đoàn Hoàng C trình bày: Thống nhất để Ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định pháp luật khi ông P, bà Ứ không tự nguyện trả nợ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Đoàn Hoàng P và bà Tô Hồng Ứ là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung ông P, bà Ứ không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông P, bà Ứ trả Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển Việt Nam tiền vay còn nợ gốc và lãi suất là 136.174.452 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 18/10/2021 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp không trả nợ thì buộc ông P, bà Ứ giao thửa đất số 874 diện tích 2.620m² và thửa số 875 diện tích 2.110m², cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã H, huyện C theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/7586332/HĐTC ngày 20/6/2017 để ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí thẩm định: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông P chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Buộc ông P, bà Ứ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ngân hàng không phải chịu án phí, chi phí thẩm định tài sản Ngân hàng tự nguyện chịu nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của ông Đoàn Hoàng P khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Tô Hồng Ứ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Ông P và bà Ứ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định:

Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.....

Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

.....Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.....

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.....

Căn cứ vào các Điều luật trên thì việc ông P và bà Ứ sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân gia đình, vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Mặc dù tại phiên tòa ông P xác định mâu thuẫn giữa ông và bà Ứ là trầm trọng, không hàn gắn được và cương quyết xin ly hôn, phía bà Ứ cũng xác định thời gian chung sống bà và ông P có nhiều mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc, tuy nhiên bà Ứ không đồng ý ly hôn thì Tòa án cũng không chấp nhận cho ông P và bà Ứ ly hôn được vì vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông P và bà Ứ là vợ chồng.

- *Về con chung*: Các con đã trưởng thành, ông P, bà Ứ không yêu cầu nên không xét.

- *Về tài sản chung*: Ông P, bà Ứ không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét.

- *Về nợ chung*:

Xét đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tòa nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng ông P, bà Ú đã trực tiếp ký tên vay và nhận tiền, sau khi vay ông P, bà Ú không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc khi đến hạn theo hợp đồng đã ký vì vậy ông P, bà Ú đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là đúng qui định.

Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông P, bà Ú, chị T, anh C phải trả số tiền nợ gốc và phần lãi cho đến khi trả xong nợ gốc và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chưa đúng quy định. Bởi vì theo hợp đồng tín dụng người ký tên vay tiền là ông P, bà Ú; chị T, anh C không ký tên vay tiền, mà chị T, anh C là thành viên trong hộ ông P ký tên để đảm bảo cho việc thế chấp tài sản trong quá trình vay nợ, nên anh C, chị T chưa có nghĩa vụ phải trả nợ mà chị T, anh C có nghĩa vụ phải giao tài sản thế chấp để xử lý khi ông P, bà Ú không trả được nợ.

Lời khai của bà Ú, ông P trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản cho Ngân hàng và nay ông P, bà Ú đồng ý trả nợ gốc và các khoản lãi phát sinh, đồng ý giao tài sản thế chấp bán để trả nợ, cho nên Hội đồng xét xử buộc ông P, bà Ú có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền gốc còn nợ và tiền lãi theo hợp đồng đã kí, tính đến ngày 17/10/2021 là 136.174.452 đồng và phải chịu lãi phát sinh từ ngày 18/10/2021 cho đến khi trả xong nợ theo qui định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản ông P, bà Ú đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 317, 323; 500; 502; 688 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định tài sản:

- Ông P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.
- Ông P, bà Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí thẩm định tài sản nên ghi nhận;

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9;14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Căn cứ các Điều 317; 323; 463, 466, 468; 500; 502; 688 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Đoàn Hoàng P và bà Tô Hồng Ứ là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, ông P, bà Ứ không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Ông P, bà Ứ không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

Về nợ chung: Buộc ông Đoàn Hoàng P, bà Tô Hồng Ứ phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/10/2021 là 26.174.452 đồng, tổng cộng 136.174.452 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày 18/10/2021 đối với số tiền nợ gốc chưa trả, thì bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng số 01/2019/7586332/HĐTD ngày 26/4/2019 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/7586332/HĐTC ngày 20/6/2017 để thanh toán khoản nợ trên gồm: thửa đất số 874 diện tích 2.620m² và thửa số 875 diện tích 2.110m², cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Đoàn Hoàng P đại diện hộ đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/3/2010.

Về án phí:

- Ông Đoàn Hoàng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002602 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Đoàn Hoàng P và bà Tô Hồng Ứ phải chịu 6.808.722 đồng (Sáu triệu tám trăm lẻ tám nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.016.229 đồng (Ba triệu không trăm mười sáu nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0004354 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Về chi phí thẩm định: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh